

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
CÔNG TY MẸ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Hà Nội, tháng 08 năm 2018

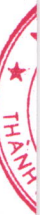
**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 37



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (sau đây gọi là **Báo cáo tài chính riêng**) đã được soát xét.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Ủy viên Ban Kiểm soát

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Tổng Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Tổng Giám đốc 



Số: 686 /2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, được lập ngày 14/08/2018, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- Ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 20/01/2017. Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Tổng Công ty đang tiến hành quyết toán công tác cổ phần hóa nên chưa có Biên bản bàn giao số liệu kế toán từ Công ty TNHH NN MTV sang Công ty cổ phần.
- Chúng tôi chưa có những tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được tổn thất (nếu có) của các khoản Đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phần V, đoạn 2, điểm c (trang 21) và khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phần V, đoạn 02, điểm d (trang 22), ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp theo)**

- Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ phần V, đoạn 02, điểm b (trang 20), đoạn “Ghi chú” về khoản “Đầu tư vào công ty con”, chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề này.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0133-2018-137-1
(Ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM của Tổng Giám đốc)

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà nội, ngày 25 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01a- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		313.355.449.871	367.304.536.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11.050.469.670	31.448.768.896
1. Tiền	111		3.050.469.670	8.448.768.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	23.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	27.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		229.667.141.747	227.362.803.352
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	183.376.140.191	196.607.192.953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.312.872.560	12.726.155.495
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	805.500.000	780.418.838
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05		2.800.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	16.411.717.697	21.159.640.281
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.03	(6.239.088.701)	(6.710.604.215)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	39.134.238.844	91.871.918.878
1. Hàng tồn kho	141		39.134.238.844	91.871.918.878
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.503.599.610	6.621.045.179
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.919.954.469	6.048.320.760
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	583.645.141	572.724.419
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.239.317.068.538	1.217.501.706.107
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.000.000	20.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	25.000.000	20.000.000
II. Tài sản cố định	220		35.461.491.345	36.538.438.867
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	35.395.039.739	36.461.987.259
- Nguyên giá	222		45.880.211.076	46.337.696.076
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.485.171.337)	(9.875.708.817)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	66.451.606	76.451.608
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.548.394)	(23.548.392)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	23.373.821.411	-
- Nguyên giá	241		23.455.790.571	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(81.969.160)	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.179.412.874.447	1.180.403.779.154
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258		17.718.555.006	18.356.645.113
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.048.066.900)	(695.252.300)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.043.881.335	539.488.086
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.043.881.335	539.488.086
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.552.672.518.409	1.584.806.242.412

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01a- DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.598.990.829	166.171.754.411
I. Nợ ngắn hạn	310		133.598.990.829	166.171.754.411
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	48.449.404.265	73.747.911.369
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.284.339.923	38.597.350.771
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.087.031.356	2.139.809.800
4. Phải trả người lao động	314		154.433.513	1.392.589.692
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.314.302.993	4.143.054.003
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	546.107.956	722.272.727
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20.089.618.976	20.243.448.642
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	8.539.844.567	22.237.906.794
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.133.907.280	2.947.410.613
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.419.073.527.580	1.418.634.488.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.419.073.527.580	1.418.634.488.001
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		439.039.579	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421a			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		439.039.579	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.552.672.518.409	1.584.806.242.412

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Hiền

Trần Thị Thu Trang



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a- DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	177.978.490.271	188.208.162.394
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
3. (10= 01-02)	10		177.978.490.271	188.208.162.394
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	168.702.203.924	174.009.107.264
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
5. (20=10 - 11)	20		9.276.286.347	14.199.055.130
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.458.536.651	2.331.890.915
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	692.027.155	762.084.466
- Trong đó: Chi phí lãi vay			252.798.362	65.577.360
8. Chi phí bán hàng	24			22.556.545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	9.899.019.334	14.196.686.288
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
10. {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		143.776.509	1.549.618.746
11. Thu nhập khác	31	VI.06	489.576.474	97.280.165
12. Chi phí khác	32	VI.07	156.619.915	8.003.664
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		332.956.559	89.276.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		476.733.068	1.638.895.247
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		37.693.489	158.204.189
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				
17. (60=50 - 51 - 52)	60		439.039.579	1.480.691.058

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

TB.Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Hiền

Trần Thị Thu Trang



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 03a - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày	Từ ngày
		01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1 Lợi nhuận trước thuế		476.733.068	1.638.895.247
2 Điều chỉnh cho các khoản		(536.842.226)	4.554.162.285
- Khấu hao TSCĐ	02	1.184.056.872	926.192.270
- Các khoản dự phòng	03	(118.700.914)	5.894.997.132
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(86.414.193)	(52.422.705)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.768.582.353)	(2.280.181.772)
- Chi phí lãi vay	06	252.798.362	65.577.360
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay			
3 đổi vốn lưu động	08	(60.109.158)	6.193.057.532
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(1.848.743.603)	5.495.096.337
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	52.737.680.034	(30.472.363.246)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(17.270.140.501)	(4.655.357.717)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(504.393.249)	94.156.810
- Tiền lãi vay đã trả	14	(161.642.496)	(65.577.560)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(22.897.709)	(690.847.925)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	274.241.669	6.514.223.711
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.366.770.530)	(7.997.144.288)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.777.224.457	(25.584.756.346)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(23.495.790.571)	(43.018.000)
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	(20.000.000.000)	(10.130.847.533)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	5.800.000.000	32.478.746.033
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		638.090.107	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.578.532.270	1.282.247.287
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.479.168.194)	23.587.127.787
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.242.472.490	6.735.173.889
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.940.534.717)	(6.735.173.889)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.698.062.227)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (tiếp theo)

Mẫu số B 03a - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu		Từ ngày	Từ ngày
		01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(20.400.005.964)	(1.997.628.559)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.448.768.896	27.807.877.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	1.706.738	1.966.162
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.050.469.670	25.812.215.237

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính Kế toán

Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*). Cụ thể, tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
- Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	1.413.846.800.000	99,5726%
- Cán bộ công nhân viên công ty	537.820	5.378.200.000	0,3788%
- Nhà đầu tư khác	69.000	690.000.000	0,0486%
+ <i>Cổ đông là cá nhân</i>	<i>49.000</i>	<i>490.000.000</i>	<i>0,0345%</i>
+ <i>Cổ đông là tổ chức</i>	<i>20.000</i>	<i>200.000.000</i>	<i>0,0141%</i>
Cộng	141.991.500	1.419.915.000.000	100%

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Văn Phòng Tổng Công ty	- Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Sản xuất luyện kim, sửa chữa máy móc, thiết bị - Sản xuất các cấu kiện kim loại	100%	100%
II. Đơn vị phụ thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp Công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyên gia công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%
III. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%



Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
IV. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty liên kết của Công ty mẹ			
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
2. Công ty liên doanh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội			
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia		2,149%	2,149%
- Công ty CP Công đoàn Giấy			

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là đồng Việt Nam (ký hiệu "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 "Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

6 tháng đầu năm 2018
(số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như các tài sản cố định khác.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 -Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán niên và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Tổng Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

15. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị phát thanh truyền hình. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

17. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN. (Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt	246.893.294	460.582.479
Tiền gửi ngân hàng	2.803.576.376	7.988.186.417
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	23.000.000.000
Tổng cộng	<u>11.050.469.670</u>	<u>31.448.768.896</u>

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>30/06/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)	27.000.000.000	27.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội</i>	<i>22.000.000.000</i>	<i>22.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>8.000.000.000</i>
Tổng cộng	<u>27.000.000.000</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

02. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội (1)	644.670.174.361	(*)		644.670.174.361	(*)	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (2)	163.327.600.924	(*)		163.327.600.924	(*)	
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí (3)	186.946.683.204	(*)		186.946.683.204	(*)	
Công ty TNHH MTV XNK thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (4)	35.893.995.830	(*)		35.893.995.830	(*)	
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải (5)	126.294.786.164	(*)		126.294.786.164	(*)	
Công ty CP Dụng cụ số 1 (6)	3.836.193.800	(*)		3.836.193.800	(*)	
Tổng cộng	1.160.969.434.283			1.160.969.434.283		

(1),(2),(3), (4): là đơn vị do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn.

(5) Công ty CP Cơ khí Duyên Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải thuộc Tổng Công ty ngày 28/11/2014. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

(6) Công ty CP Dụng cụ số 1: được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường thuộc Tổng Công ty ngày 17/11/2003. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 đồng, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 4.099.574.020 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 đồng.

Ghi chú:

- *Lỗ lũy kế của Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu thiết bị Toàn Bộ và Kỹ thuật (Công ty TechnoImport) tại ngày 30/06/2018 trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được kiểm toán là 15.919.423.768 đồng. Trong đó, lỗ lũy kế đến ngày 20/01/2017 là 11.399.417.860 đồng, lỗ của kỳ hoạt động trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 là 3.378.730.099 đồng, lỗ của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (chưa được kiểm toán) là 1.141.275.809 đồng. Theo qui định, tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty phải đánh giá các*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

khoản đầu tư tài chính, lập dự phòng tài chính nếu có tổn thất xảy ra. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty sở hữu 100% đang trình lên cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý các khoản lỗ của Công ty TechnoImport cùng với hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, Tổng Công ty chưa tiến hành đánh giá và trích lập dự phòng tài chính đối với khoản đầu tư này.

- *Chúng tôi cũng lưu ý rằng, ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport, theo đó, Tổng Công ty đề xuất với Bộ Công Thương tái cơ cấu, thoái 100% Vốn đầu tư bằng phương thức bán doanh nghiệp có kế thừa công nợ hoặc thực hiện việc phá sản doanh nghiệp (nếu không bán được). Ngày 22/06/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT-CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Tổng Công ty đang thực hiện thoái vốn tại Công ty này.*

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội (7)	1.772.952.058	(*)		1.772.952.058	(*)	
Tổng cộng	1.772.952.058			1.772.952.058		

(7): Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn- Hà Nội: Vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn – Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

02. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam (8)		(*)		658.090.107	(*)	
Công ty CP Đá Mài Hải Dương (9)	3.381.542.806	(*)		3.381.542.806	(*)	
Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng (10)	1.432.012.200	383.945.300	(1.048.066.900)	1.432.012.200	736.759.900	(695.252.300)
Công ty CP Xi măng Đồng Bành (11)	12.905.000.000	(*)		12.905.000.000	(*)	
- Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (11a)						
- Vốn góp của các cổ đông khác(11b)	12.905.000.000			12.905.000.000		
Tổng cộng	17.718.555.006		(1.048.066.900)	18.376.645.113		(695.252.300)

(8) Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam: Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 400.000.000 đồng, chiếm 13,33% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 655.390.567 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 658.090.107 đồng. Tại ngày 31/12/2017, khoản đầu tư này được ghi nhận là 638.090.107 đồng. Ngày 26/09/2017, Bộ Công Thương có Công văn số 8961/BCT-CN đồng ý với đề nghị của Tổng Công ty về việc thoái vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam. Ngày 04/06/2018, Tổng Công ty chính thức thoái 100% Vốn tại Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam.

(9) Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 31/12/2017, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng.

(10) Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

hóa là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng.

(11) Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

(11a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty.

(11b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

Ghi chú:

(*): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác (ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí chế tạo Hải Phòng) để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

03. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các công ty con			1.339.947.397	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội			642.571.731	
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải			697.375.666	
Các khách hàng khác	183.376.140.191	6.239.088.701	195.267.245.556	6.710.604.215
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	5.071.413.000		6.751.806.090	
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	43.004.923.370		72.080.368.984	
Tổng công ty CP Thương mại Xây dựng	26.213.468.679		30.556.129.340	
Công ty CP đầu tư và xây dựng cơ khí Sông Hồng	2.896.370.548	2.896.370.548	3.367.886.062	3.367.886.062
Công ty CP cơ khí điện lực	3.342.718.153	3.342.718.153	3.342.718.153	3.342.718.153
Công ty CP Xây lắp điện I	7.588.658.468			
Công ty CP 30-4 Quảng Ngãi	6.622.531.638		6.243.669.682	
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	8.613.463.727		8.466.311.080	
Công ty CP Công nghiệp Hoá chất Tây Ninh	8.563.437.346		8.563.437.346	
Công ty CP Bột - Giấy VNT19	13.284.700.520		15.284.700.520	
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	5.603.148.780			
Danieli &C.Officine Meccaniche SpA	5.153.356.600			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cơ khí Đồng Tâm	6.167.574.772			
Đối tượng khác	41.250.374.590		40.610.218.299	
Tổng cộng	183.376.140.191	6.239.088.701	196.607.192.953	6.710.604.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

04. Phải thu nội bộ

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu nội bộ ngắn hạn				
Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp	637.500.000		637.500.000	
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam	168.000.000		142.918.838	
Đối tượng khác				
Tổng cộng	805.500.000		780.418.838	

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP XNK Đầu tư Xây dựng Thăng Long			2.350.000.000	
Nguyễn Quyết Chiến			450.000.000	
Tổng cộng			2.800.000.000	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

06. Phải thu khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	16.411.717.697		21.159.640.281	
Chi phí cổ phần hóa	3.423.839.908		2.953.839.908	
Phải thu các công ty con	44.080.646		44.080.646	
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	37.161.309		37.161.309	
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.919.337		6.919.337	
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	80.555.556		461.635.046	
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	67.805.556		386.302.777	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	12.750.000		75.332.269	
Công ty CP XNK Đầu tư Xây dựng Thăng Long	1.850.000.000		7.961.657.222	
Phải thu về BHXH, BHYT	160.742.125		160.742.125	
Tạm ứng	10.177.697.329		8.347.033.850	
Đối tượng khác	674.802.133		1.230.651.484	
b) Phải thu dài hạn khác	25.000.000		20.000.000	
Ký quỹ, ký cược	25.000.000		20.000.000	
Tổng cộng	16.436.717.697		21.179.640.281	

07. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	324.456.629		244.359.599	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.407.138.583		82.957.593.488	
Hàng hóa	29.402.643.632		8.669.965.791	
Tổng cộng	39.134.238.844		91.871.918.878	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

08.Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
<i>Tại ngày 01/01/2018</i>	<i>41.770.744.163</i>	<i>175.639.500</i>	<i>4.153.069.594</i>	<i>238.242.819</i>	<i>46.337.696.076</i>
Tăng trong kỳ		<i>40.000.000</i>			<i>40.000.000</i>
- Mua trong kỳ		<i>40.000.000</i>			<i>40.000.000</i>
- XDCB hoàn thành					
- Mua lại từ thuê tài chính					
Giảm trong kỳ			<i>497.485.000</i>		<i>497.485.000</i>
- Thanh lý, nhượng bán			<i>497.485.000</i>		<i>497.485.000</i>
<i>Tại ngày 30/06/2018</i>	<i>41.770.744.163</i>	<i>215.639.500</i>	<i>3.655.584.594</i>	<i>238.242.819</i>	<i>45.880.211.076</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Tại ngày 01/01/2018</i>	<i>7.257.054.752</i>	<i>132.022.061</i>	<i>2.396.371.063</i>	<i>90.260.941</i>	<i>9.875.708.817</i>
Tăng trong kỳ	<i>839.287.536</i>	<i>16.599.710</i>	<i>209.532.846</i>	<i>26.667.618</i>	<i>1.092.087.710</i>
- Khấu hao trong kỳ	<i>839.287.536</i>	<i>16.599.710</i>	<i>209.532.846</i>	<i>26.667.618</i>	<i>1.092.087.710</i>
Giảm trong kỳ			<i>482.625.190</i>		<i>482.625.190</i>
<i>Tại ngày 30/06/2018</i>	<i>8.096.342.288</i>	<i>148.621.771</i>	<i>2.123.278.719</i>	<i>116.928.559</i>	<i>10.485.171.337</i>
Giá trị còn lại					
<i>Tại ngày 01/01/2018</i>	<i>34.513.689.411</i>	<i>43.617.439</i>	<i>1.756.698.531</i>	<i>147.981.878</i>	<i>36.461.987.259</i>
<i>Tại ngày 30/06/2018</i>	<i>33.674.401.875</i>	<i>67.017.729</i>	<i>1.532.305.875</i>	<i>121.314.260</i>	<i>35.395.039.739</i>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

09.Tăng giảm tài sản vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018				100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ					
Giảm trong kỳ					
Tại ngày 30/06/2018				100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018				23.548.392	23.548.392
Tăng trong kỳ					
- Khấu hao trong kỳ				10.000.002	10.000.002
Giảm trong kỳ					
Tại ngày 30/06/2018				33.548.394	33.548.394
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018				76.451.608	76.451.608
Tại ngày 30/06/2018				66.451.606	66.451.606

10.Tăng giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Cơ sở hạ tầng	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018				
Tăng trong kỳ				
- Mua trong kỳ			23.455.790.571	23.455.790.571
Tại ngày 30/06/2018			23.455.790.571	23.455.790.571
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018				
Tăng trong kỳ				
- Khấu hao trong kỳ			81.969.160	81.969.160
Giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Tại ngày 30/06/2018			81.969.160	81.969.160
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018				
Tại ngày 30/06/2018			23.373.821.411	23.373.821.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

11. Chi phí trả trước

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	1.043.881.335	539.488.086
- Chi phí công cụ, dụng cụ	270.578.758	384.987.390
- Phí bảo lãnh ngân hàng		145.500.696
- Chi phí khác	773.302.577	9.000.000
Cộng	<u>1.043.881.335</u>	<u>539.488.086</u>

12. Phải trả người bán

	<u>30/06/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Các công ty con	9.156.751.675	9.156.751.675	4.562.403.552	4.562.403.552
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	3.508.792.720	3.508.792.720	4.562.403.552	4.562.403.552
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	5.361.175.000	5.361.175.000		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	12.279.300	12.279.300	12.279.300	12.279.300
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (Thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	274.504.655	274.504.655		
Các đối tượng khác	39.292.652.590	39.292.652.590	69.185.507.817	69.185.507.817
Công ty CP kết cấu thép & thiết bị nâng Việt Nam			7.912.372.985	7.912.372.985
Công ty CP XNK Đầu tư Xây dựng Thăng Long	1.850.000.000	1.850.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000
Guilin Guiye Industrial Co., Ltd	10.029.014.235	10.029.014.235	9.915.618.119	9.915.618.119
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc			7.514.505.346	7.514.505.346
Công ty CP Thương mại hàng hóa quốc tế IPC			2.914.901.807	2.914.901.807
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	1.627.877.088	1.627.877.088	3.000.289.888	3.000.289.888
Đối tượng khác	25.785.761.267	25.785.761.267	30.587.819.672	30.587.819.672
Tổng cộng	<u>48.449.404.265</u>	<u>48.449.404.265</u>	<u>73.747.911.369</u>	<u>73.747.911.369</u>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải thu

	Tại ngày 01/01/2018	Phải thu	Đã thu/ bù trừ	Tại ngày 30/06/2018
Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước		10.920.722		10.920.722
- Văn Phòng Tổng Công ty		10.920.722		10.920.722
Thuế TNDN	479.308.298			479.308.298
- Văn Phòng Tổng Công ty	479.308.298			479.308.298
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.416.121			93.416.121
- Văn Phòng Tổng Công ty	93.416.121			93.416.121
Tổng cộng	572.724.419	10.920.722		583.645.141

b) Phải trả

	Tại ngày 01/01/2018	Phải nộp	Đã nộp	Tại ngày 30/06/2018
Thuế giá trị gia tăng	1.921.226.351	3.832.646.823	3.961.627.503	1.792.245.671
+ Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước	1.921.226.351	2.466.614.081	2.595.594.761	1.792.245.671
- Văn Phòng Tổng Công ty		2.213.922.203	2.213.922.203	
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp		252.691.878	252.672.558	
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	451.277.892			451.277.892
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	1.469.948.459		129.000.000	1.340.948.459
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.366.032.742	1.366.032.742	
- Văn Phòng Tổng Công ty		1.366.032.742	1.366.032.742	
Thuế TNDN	23.712.131	37.693.489	22.897.709	38.507.911
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	22.897.709	37.693.489	22.897.709	37.693.489
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	814.422			814.422
Thuế TNCN	123.424.523	89.107.360	26.700.904	185.830.979
- Văn Phòng Tổng Công ty	18.928.275	84.128.485	18.928.275	84.128.485
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	11.357.549	4.978.875	7.772.629	8.563.795
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	93.138.699			93.138.699
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		150.614.147	150.614.147	
- Văn Phòng Tổng Công ty		150.614.147	150.614.147	
Các loại thuế khác	71.446.795	49.997.307	50.997.307	70.446.795
- Văn Phòng Tổng Công ty		47.997.307	47.997.307	
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp		1.000.000	1.000.000	
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	1.100.000	1.000.000		2.100.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	70.346.795		2.000.000	68.346.795
Tổng cộng	2.139.809.800	4.160.059.126	4.212.837.570	2.087.031.356

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

14. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a) Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	4.314.302.993	4.127.678.324
Lãi vay phải trả ngân hàng		15.375.679
b) Dài hạn		
Cộng	<u>4.314.302.993</u>	<u>4.143.054.003</u>

15. Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngắn hạn	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	546.107.956	722.272.727
Tổng cộng	<u>546.107.956</u>	<u>722.272.727</u>

16. Phải trả khác

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a) Phải trả ngắn hạn	<u>20.089.618.976</u>	<u>20.243.448.642</u>
Thu của các cô đồng góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.257.988.040	4.253.202.540
Kinh phí công đoàn	50.868.170	9.140.000
Bảo hiểm xã hội	1.167.564.149	1.088.239.480
Bảo hiểm y tế	71.736.298	53.098.995
Bảo hiểm thất nghiệp	31.274.357	22.783.500
Nhận ký quỹ, ký cược	11.000.000	11.000.000
Phải trả cho lao động dôi dư		57.407.500
Phải trả phải nộp khác	1.594.187.962	1.843.576.627
b) Dài hạn		
Cộng	<u>20.089.618.976</u>	<u>20.243.448.642</u>

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn (VND)	3.846.111.567	3.846.111.567	17.454.173.794	17.454.173.794
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm			7.642.284.619	7.642.284.619
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV) (*)	3.846.111.567	3.846.111.567	9.811.889.175	9.811.889.175
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
c) Vay cá nhân	693.733.000	693.733.000	783.733.000	783.733.000
Tại Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	360.000.000	360.000.000	450.000.000	450.000.000
Tại Công ty Xây lắp Công nghiệp	333.733.000	333.733.000	333.733.000	333.733.000
Tổng cộng	8.539.844.567	8.539.844.567	22.237.906.794	22.237.906.794

(*): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 77294.16.057.828428.TD ngày 19/10/2016, lãi suất 6,5%/năm

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 20/01/2017	1.418.634.488.001			1.418.634.488.001
- Lãi trong kỳ			2.913.063.741	2.913.063.741
- Tạm phân phối lợi nhuận		903.806.594	(2.913.063.741)	(2.048.939.617)
- Giảm khác		(903.806.594)		(903.806.594)
Số dư ngày 31/12/2017	1.418.634.488.001			1.418.634.488.001
Số dư ngày 01/01/2018	1.418.634.488.001			1.418.634.488.001
- Lãi trong kỳ			439.039.579	439.039.579
Số dư ngày 30/06/2018	1.418.634.488.001		439.039.579	1.419.073.527.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

18.Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018	01/01/2018
Vốn góp của các cổ đông	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cộng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

c) Các giao dịch về vốn

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.398.705.157.520
Vốn góp tăng trong kỳ		19.929.330.481
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu

Ghi chú: Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2018 là 1.418.634.488.001 đồng, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 1.419.915.000.000 đồng. Như vậy, Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2018 nhỏ hơn Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.280.511.999 đồng là do việc xử lý tài chính theo quy định tại ngày Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty vẫn đang tiến hành quyết toán công tác cổ phần hóa nên việc điều chỉnh để Vốn đầu tư của chủ sở hữu khớp đúng với Vốn Điều lệ sẽ được thực hiện khi có kết quả của công tác quyết toán cổ phần hóa.

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Doanh thu bán hàng	106.829.353.556	88.414.892.717
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.507.024.203	855.807.217
Doanh thu dự án xây dựng, lắp đặt	69.642.112.512	98.937.462.460
Tổng cộng	177.978.490.271	188.208.162.394

02. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	102.070.252.049	63.855.061.485
Giá vốn của dự án xây dựng, lắp đặt	66.631.951.875	110.154.045.779
Tổng cộng	168.702.203.924	174.009.107.264

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.048.046.875	1.395.030.272
Lãi cho vay	17.790.556	113.125.000
Lãi chuyển nhượng vốn	61.909.893	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	330.370.662	772.026.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		51.709.143
Khác	418.665	
Tổng cộng	1.458.536.651	2.331.890.915

04. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Lãi tiền vay	252.798.362	65.577.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá	86.414.193	1.254.806
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	352.814.600	695.252.300
Tổng cộng	692.027.155	762.084.466

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Chi phí nhân viên quản lý	4.374.814.210	4.477.022.500
Chi phí VLQL, đồ dùng văn phòng	257.477.932	209.894.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.226.807.340	913.797.105
Thuế, phí, lệ phí	360.684.417	44.985.789
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(471.515.514)	5.199.744.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.755.891	313.869.837
Chi phí bằng tiền khác	3.635.995.058	3.037.371.672
Tổng cộng	9.899.019.334	14.196.686.288

06. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ	143.000.000	
Lãi chậm trả		55.722.375
Khác	346.576.474	41.557.790
Tổng cộng	489.576.474	97.280.165

07. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
GTCL của tài sản thanh lý	14.859.810	
Phạt chậm nộp thuế	3.686.215	
Khác	138.073.890	8.003.664
Tổng cộng	156.619.915	8.003.664

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin về các bên liên quan

a) Bên liên quan

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty được coi là Bên liên quan.

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu sản phẩm cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,18%
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia	Công ty liên doanh	2,149%
Công ty CP Công đoàn Giấy	Công ty liên doanh	

b) Giao dịch với Bên liên quan

Thù lao	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động	988.541.580	887.863.363
Bán hàng hóa	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con		15.294.994.727
Mua hàng hóa	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	7.741.883.132	1.620.423.710
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	1.263.607.525	43.656.103.266
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	Công ty con	1.925.530.695	
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con		7.807.300
Chi thưởng	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	Công ty con	10.000.000	
Thu nhập khác	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 30/06/2017
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	193.866.102	
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	181.608.000	

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

c) Số dư với các Bên liên quan

Khoản mục	Mối quan hệ	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con		642.571.731
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con		697.375.666
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	37.161.309	37.161.309
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con		1.724.814.949
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	5.361.175.000	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	12.279.300	12.279.300
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	Công ty con	274.504.655	
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	3.508.792.720	4.562.403.552
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con		4.763.367

02. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét.

03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, không có sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính kế toán

Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Hải